

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2021/DS-ST**

Ngày: 16/4/2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Văn Thành**

2. Ông **Trần Trung Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Luân**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Ngày **16** tháng **4** năm **2021** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **71/2021/TLST-DS** ngày **19/02/2021** về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **44/2021/QĐST-DS** ngày **29/3/2021** giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp Thái H, xã An Thái Đ, huyện Cái B, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 634, tổ 34, khu 2, thị trấn Cái B, huyện Cái B, Tiền Giang.

(Văn bản ủy quyền ngày 01/02/2021)

*** Bị đơn:** 1/ Chị **Bạch Thị Tuyết Nh**, sinh năm 1979.

2/ Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: ấp Thái H, xã An Thái Đ, huyện Cái B, Tiền Giang.

(Ông Tr, chị Nh có mặt; anh N vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 28/01/2021 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Tr đại diện ủy quyền nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ngày 18/8/2020 âm lịch vợ chồng chị Nh và anh N có hỏi vay của anh T số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), chị Nh có làm biên nhận nợ và ký tên, thời hạn trả 01 tháng hoàn lại vốn, khi vay chị Nh có đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD875982 cấp ngày 09/8/2011 do anh N đứng tên cho anh T cất giữ, nhưng ngày 28/8/2020 âm lịch chị Nh đã lấy lại. Nhưng đến hạn trả nợ vợ chồng chị Nh không trả kéo dài đến nay dù anh T đến nhà đòi nhiều lần.

Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nh và anh N có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay vốn 100.000.000 đồng và lãi chậm trả 0,83%/tháng tính từ ngày 18/9/2020 âm lịch cho đến ngày xét xử.

* Tại bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Bạch Thị Tuyết Nh bị đơn trình bày:

Chị Nh thừa nhận ngày 18/8/2020 âm lịch chị Nh có hỏi vay của anh T số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), thời hạn trả 01 tháng hoàn lại vốn, lãi suất 10%/tháng, mục đích vay tiền để trả nợ cho người khác, khi vay tiền thì anh N chồng chị N không biết, cho tới sau này thì anh N biết việc chị Nh có vay tiền của anh T và anh N chửi chị Nh, hiện tại vợ chồng còn sống chung nhà chưa ly thân. Sau khi vay chị Nh có trả lãi cho anh T được 03 tháng số tiền 30.000.000 đồng, khi trả không có làm giấy tờ gì và cũng không có ai chứng kiến.

Theo chị Nh xác định việc vay tiền của anh T chỉ có chị Nh vay, anh N không cùng vay và ký tên trong biên nhận nợ. Nay chị Nh đồng ý trả cho anh T số tiền 100.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), xin không trả lãi do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N là có căn cứ đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét, theo lời trình bày của ông Tr đại diện ủy quyền nguyên đơn anh T với bị đơn chị N bày thống nhất bị đơn chị Nh có vay số tiền 100.000.000 đồng của anh T có làm biên nhận nợ và ký tên, chị Nh đồng ý trả cho anh T số tiền 100.000.000 đồng, nên lời thừa nhận nợ của chị Nh đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ngoài ra, anh T có yêu cầu anh Nguyễn Văn N có nghĩa vụ liên đới cùng với chị Nh trả số tiền vay vốn 100.000.000 đồng, anh N không có ý kiến lời khai đối với yêu cầu khởi kiện của anh T. Xét, theo lời trình bày của chị Nh tại biên bản hòa giải do Tòa án lập và tại phiên tòa xác định việc chị Nh vay số tiền 100.000.000 đồng của anh T để sử dụng vào việc trả nợ cho người khác, anh N biết việc chị có vay tiền của anh T. Mặc dù, anh N không có ký tên trong biên nhận vay tiền nhưng chị Nh sử dụng số tiền vay để đáp ứng các nhu cầu thiết yếu trong gia đình, anh N là chồng của chị Nh đây là số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên anh N phải có nghĩa vụ cùng trả nợ số tiền vay với chị Nh theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình. Do đó, anh T khởi kiện yêu cầu chị Nh và anh N có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay vốn 100.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3] Đồng thời, anh T có yêu cầu chị Nh và anh N có nghĩa vụ liên đới trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 18/9/2020 âm lịch cho đến ngày xét xử lấy tròn 05 tháng là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, căn cứ theo biên nhận vay hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng đến hạn trả nợ bị đơn không trả nên nguyên đơn anh T yêu cầu trả lãi chậm trả là có căn cứ, nên số tiền lãi bị đơn chị

Nh và anh N liên đới trả là 100.000.000 đồng x 05 tháng x 0,83% = 4.150.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

[4] Tại phiên toà ông Tr đại diện ủy quyền nguyên đơn với bị đơn chị Nh không thoả thuận được về thời gian trả số tiền vốn và lãi 104.150.000 đồng. Cho nên, về phương thức trả, thời gian trả số tiền trên do hai bên đương sự thỏa thuận với nhau khi đến giai đoạn thi hành án.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án, nên chị Nh và anh N liên đới chịu 5.207.500 đồng (Năm triệu hai trăm lẻ bảy ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc T.

Buộc chị Bạch Thị Tuyết Nh và anh Nguyễn Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Ngọc T số tiền vay vốn 100.000.000 đồng, lãi 4.150.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi 104.150.000 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Chị Bạch Thị Tuyết Nh và anh Nguyễn Văn N liên đới chịu 5.207.500 đồng (Năm triệu hai trăm lẻ bảy ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Ngọc T số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004709 ngày 18/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Ngọc T, chị Bạch Thị Tuyết Nh được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và

Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe